

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ HÒA THÀNH  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 27-4-2021.  
V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phan Thùy Trang**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Lưu Thị Tuyết Mai**;

**Ông Đỗ Thành Ngọc.**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Hoàng Kim Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Lâm Thúy Vi** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 72/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **N.T.H**, sinh năm 1975; địa chỉ: Số nhà 3/14<sup>A</sup>, X3, tổ 14, khu phố A, phường B, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **T.N,N**, sinh năm 1970; địa chỉ: Số nhà 3/14<sup>A</sup>, X3, tổ 14, khu phố A, phường B, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện ngày 23 tháng 02 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị N.T.H trình bày:*

Chị N.T.H và anh T.N,N chung sống với nhau từ năm 1997, trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn, thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nên thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 9 năm 2020 cho đến nay nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là A, sinh năm 1999 và B, sinh ngày 31/7/2003. Cháu A đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu giải quyết. Cháu B hiện đang sống cùng anh N. Khi ly hôn chị H giao cháu B cho anh N nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 10 tháng 3 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh T.N,N trình bày:*

Anh thống nhất theo lời trình bày của chị H về thời gian anh chị sống chung, thừa nhận không đăng ký kết hôn, vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng như lời chị H trình bày, cuộc sống không hạnh phúc nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là A, sinh năm 1999 và B, sinh ngày 31/7/2003. Cháu A đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu giải quyết. Cháu B hiện đang sống cùng anh. Anh đồng ý nuôi dưỡng cháu B và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị H, anh N là vợ chồng. Về con chung: anh chị có 02 con chung là A, sinh năm 1999 và B, sinh ngày 31/7/2003. Cháu A đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu giải quyết. Cháu B hiện đang sống cùng anh N. Anh chị đồng ý giao cháu B cho anh N nuôi dưỡng và chị H không cấp dưỡng nuôi con, nên ghi nhận. Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về tố tụng: Chị N.T.H và anh T.N,N có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại các Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị N.T.H và anh T.N.N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, nhưng không đăng ký kết hôn, nên anh N và chị H sống chung là vi phạm quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, giữa anh N, chị H không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh N, anh có đồng ý ly hôn hay không đồng ý, Tòa án cũng không xem xét mâu thuẫn của anh chị để cho hay không cho ly hôn, mà trường hợp của anh chị chỉ áp dụng Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận anh N, chị H là vợ chồng.

[3] Về con chung: anh chị có 02 con chung là A, sinh năm 1999 và B, sinh ngày 31/7/2003. Cháu A đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu giải quyết. Anh T.N.N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B, sinh ngày 31/7/2003. Ghi nhận anh N không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh N, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết vấn đề này.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 14, 15, 53, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1. Tuyên bố không công nhận chị N.T.H và anh T.N.N là vợ chồng.
2. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là A, sinh năm 1999 và B, sinh ngày 31/7/2003. Cháu A đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu giải quyết. Anh T.N.N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B, sinh ngày 31/7/2003. Ghi nhận anh N không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.
4. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị N.T.H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0009649 ngày 23 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị H đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại UBND xã nơi cư trú.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Phan Thùy Trang**